



## G2590PX/G2

24.5", feature packed, sleek gaming at 144 Hz

The G2 Esports Signature edition of the G2590PX is visually stunning in the game and on your desk while delivering the usual award-winning performance you are used to, including 144Hz refresh rate, 1 ms response time and a 24.5" Full HD 3-sides frameless design display.

### TỔNG QUAN

Tên mẫu	G2590PX/G2
Kênh	Gaming
Dòng sản phẩm	AOC Gaming
Dòng thiết kế	G90
Ngày ra mắt (dự kiến)	28-11-2017

### MÀN HÌNH

Kích thước màn hình (inch)	24,5
Kích thước màn hình (cm)	62,23
Phẳng/Cong	Flat
Độ cứng của màn hình hiển thị	3H
Độ phân giải của bảng điều khiển	1920x1080
Tên độ phân giải	FHD
Tỷ lệ khung hình	16:9
Loại bảng điều khiển	TN
Loại đèn nền	WLED
Max Tốc độ làm mới	144 Hz
Thời gian phản hồi GtG	1 ms
Tỷ lệ tương phản tĩnh	1000:1
Tỷ lệ tương phản động	50M:1
Góc nhìn (CR10)	170/160
Màu sắc màn hình hiển thị	16.7 Million
Brightness in nits	400 cd/m2
Mật độ điểm ảnh (mm)	0,2832

**NGOẠI THẤT**

Loại viền (mặt trước)	3-sided frameless
Màu viền (mặt trước)	Black, Red
Lớp hoàn thiện viền (mặt trước)	Texture
Màu tủ (mặt sau)	Black
Lớp hoàn thiện tủ (mặt sau)	Texture

**CÔNG THÁI HỌC**

Giá treo tường Vesa	100x100
Nghiêng	-3,5/19,5
Khớp xoay	-45/45
Trục	Yes
Điều chỉnh chiều cao (mm)	130mm

**KẾT NỐI VÀ ĐA PHƯƠNG TIỆN**

HDMI	HDMI 1.4 x 2
Cổng màn hình hiển thị	DisplayPort 1.2 x 1
Bộ chia USB	✓
Tốc độ của bộ chia USB	USB 3.0 (4 USB downstream ports)
Cổng kết nối màn hình và USB	4
Cổng sạc nhanh qua USB	✓
D-SUB (VGA)	1x

**ĐA PHƯƠNG TIỆN**

Loa	✓
Công suất loa	2 W x 2

**TÍNH NĂNG**

Công nghệ đồng bộ (VRR)	Freesync Premium
Công nghệ loại bỏ ánh sáng xanh	Low Blue Light
Flicker-Free	Flicker Free
Không gian màu (Adobe RGB) CIE 1931 %	84

**TÍNH NĂNG CHƠI TRÒ CHƠI**

Phong cách chơi trò chơi	Shooters, Action, FPS (eSports)
Sự tiện lợi khi chơi trò chơi	G-menu

**SỰ BỀN VỮNG**

Chứng nhận TCO	7
----------------	---

**QUYỀN LỰC / MÔI TRƯỜNG**

Nguồn cấp điện	Internal
Nguồn điện	100 - 240V 50/60Hz
Công suất tiêu thụ ở chế độ chờ tính bằng watt	0,5
Công suất tiêu thụ khi tắt tính bằng watt	0,5
Lớp năng lượng	A

**KÍCH THƯỚC SẢN PHẨM**

Kích thước sản phẩm bao gồm cả đế (RxCxS) mm	558.6(H) x 199.5(W) x 513.2(D)
Kích thước đóng gói (RxCxS) mm	417(H) x 626(W) x 203(D)
Tổng trọng lượng bao gồm cả bao bì (tính bằng kg)	7,2
Trọng lượng tịnh không bao gồm bao bì (tính bằng kg)	5,43

**TRONG HỘP CÓ NHỮNG GÌ**

Cáp HDMI	1.8
Cáp nối cổng màn hình hiển thị	1.8
Cáp âm thanh	1.8
Cáp điện C7	1.8

**THÔNG TIN KHÁC**

MTBF	50.000 hours (excluded backlight)
MTBF (không bao gồm bảng điều khiển)	50.000 hours

**TUÂN THỦ QUY ĐỊNH**

ISO 9241-307

